TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-PT
Ngày: 06 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 603/2020/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 402/2020/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T; giới tính: nam; sinh năm: 1962 tại: Sài Gòn; thường trú: đã bị xóa hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 125/101/27 Đ, Phường X3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 125/127/8 Đ, Phường X3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: không; con ông: Nguyễn Văn H (chết) và bà: Nguyễn Thị X (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (không đăng ký kết hôn) và 01 con (sinh năm 1996); tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 30/5/1992, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về "Tội Trộm cắp tài sản công dân" (Bản án số 309/HSST ngày 30/5/1992 – BL 69-76); bị cáo chưa thi hành khoản nộp thu lợi bất chính nêu tại phần quyết định của bản án (Công văn số 2441/XN-CCTHADS ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B - BL 106);

Nhân thân:

- Ngày 23/10/1985, bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù về "Tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa" (Bản án số 171/HSST ngày 23/10/1985); ngày 29/12/1986, chấp hành xong hình phạt tù (BL 61-62, 91-97);

- Ngày 06/01/1988, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về "Tội Không tố giác tội phạm" (Bản án số 01/HSST ngày

06/01/1988 – BL 66-68); ngày 02/5/1989, chấp hành xong hình phạt tù (Quyết định tha tù trước thời hạn số 386/QĐTA ngày 02/5/1989 của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - BL 101);

- Ngày 02/8/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về "Tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (Bản án số 1200/HSST ngày 02/8/1996 – BL 77-81); bị cáo có kháng cáo; ngày 03/3/1997, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số 201/HSPT ngày 03/3/1997 – BL 82-83); ngày 17/6/1999, chấp hành xong hình phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 576/GCN ngày 17/6/1999 của Giám thị Trại giam T - BL 103); đã thi hành án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm theo biên lai thu số 9078 ngày 04/7/2003 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Công văn số 2583/CCTHADS ngày 08/6/2020 của của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – BL 210);

- Ngày 29/5/2012, bị Tòa án nhân dân Quận x8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về "Tội Đánh bạc" (Bản án số 112/HSST ngày 29/5/2012 – BL 91-97), vụ án có kháng cáo, kháng nghị; ngày 22/8/2012, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo (Bản án số 467/2012/HSPT ngày 22/8/2012 – BL 98-100); ngày 28/4/2013, chấp hành xong hình phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 115/GCN ngày 28/4/2013 của Giám thị Trại tạm giam B – BL 104); ngày 06/12/2012, người thân của bị cáo đã nộp án phí hình sự phúc thẩm và khoản tiền buộc nộp 5.000.000 đồng, ngày 13/12/2012, Chi cục Thi hành án dân sự Quận x8 đã chuyển số tiền tạm thu theo Biên lai tạm thu 3371 ngày 29/5/2012 sang án phí hình sự sơ thẩm (Văn bản trả lời xác minh ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận x8 – BL 106A);

Bị bắt, tạm giam ngày: 10/12/2018 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Đoàn Trọng N1 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

🕘 Diễn biến sự việc:

Vào lúc 17 giờ 00 ngày 10/12/2018, tại trước nhà số 855 T, Phường x5, Quận x8, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội 2 phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Phường x5, Quận x8 và Đội Cảnh sát giao thông trật tự cơ động Công an Quận x8 phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán, thu tại móc treo đồ ở cổ xe gắn máy biển số 59S2-864.75 do bị cáo T điều

khiển: 01 túi nylon màu xanh bên trong có 01 khối hình hộp chữ nhật chứa chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 336,07 gam, loại Heroine, 02 gói nylon chứa chất tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 393,91 gam, loại Methamphetamine; ngoài ra còn có 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 xe gắn máy biển số 59S2-864.75…

Thực hiện việc khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T tại địa chỉ 125/127/8 Đ, Phường X3, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 gói tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9,3616 gam, loại Methamphetamine.

- 03 gói nylon chứa chất bột màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 241,1045 gam, loại Heroine.

- 12 gói nylon chứa chất bột màu trắng, qua giám định không tìm thấy ma túy.

- 02 bình nhựa có nắp màu đen chứa tinh thể màu trắng, qua giám định không tìm thấy ma túy.

- 01 máy xay hiệu Lock & Lock.

- 02 cân điện tử.

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (bình, nỏ, ống hút) và 01 nỏ thủy tinh.

🕘 Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận:

Sáng ngày 10/12/2018, Nguyễn Văn T đến chỗ ở của 01 người phụ nữ tên B (không rõ lai lịch) tại 01 chung cư (bị cáo không nhớ tên chung cư và địa chỉ cụ thể) trên đường N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để chơi và sử dụng ma túy. Tại đây, bị cáo gặp đối tượng B và 01 người đàn ông tên Q (không rõ lai lịch), cả 03 người cùng sử dụng ma túy chung. Sau đó, đối tượng B đưa cho bị cáo 01 bánh Heroine và 02 gói ma túy đá bảo bị cáo đem đi bán giúp rồi sẽ cho tiền hoa hồng và ma túy để sử dụng, bị cáo đồng ý. Đối tượng B bỏ số ma túy trên vào 01 túi nylon màu xanh rồi đựng trong 01 túi giấy đưa cho bị cáo và nói giá bán là 235.000.000 đồng/ bánh và 35.000.000 đồng/ lạng (100 gam) ma túy đá. Nhận ma túy xong, bị cáo treo lên xe máy của mình đi đến khu vực Quận x8, Thành phố Hồ Chí Minh rồi gọi điện thoại cho một số người bạn nghiện để chào bán ma túy nhưng không liên lạc được nên định đem ma túy về trả cho Đối tượng B, trên đường về thì bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu.

Đối với số ma túy thu giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn T, bị cáo khai số ma túy này do một người bạn tên D (không rõ lai lịch) cho để sử dụng và bán kiếm tiền tiêu xài, còn ma túy loại Heroine mua của 01 người đàn ông không rõ lai lịch ở khu vực bờ kè C, quận B với giá 15.000.000 đồng đem về cất giấu để sử dụng và bán cho người khác với giá 1.600.000 đồng/ chỉ Heroine nhưng chưa kịp bán thì bị khám xét thu giữ.

🕘 Văn bản giám định của cơ quan chuyên môn:

Tại Bản Kết luận giám định số 176/KLGĐ-H ngày 17/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 29) thể hiện:

- 01 khối bột màu trắng hình chữ nhật được ký hiệu mẫu m_1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 336,07 gam, loại Heroine.

- Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m_2 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 393,91 gam, loại Methamphetamine.

Tại Bản Kết luận giám định số 177/KLGĐ-H ngày 19/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 34-35) thể hiện:

- Gói 1: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m_1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9,3616 gam, loại Methamphetamine.

- Gói 2:

+ Bột màu trắng được ký hiệu mẫu $m_{2.1}$ cần giám định có khối lượng 329,11 gam, không tìm thấy ma túy.

+ Bột màu trắng được ký hiệu mẫu $m_{2.2}$ cần giám định có khối lượng 186,6502 gam, không tìm thấy ma túy.

+ Bột màu trắng được ký hiệu mẫu $m_{2.3}$ cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 197,8406 gam, loại Heroine.

- Gói 3: Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m_3 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 43,2639 gam, loại Heroine.

- Gói 4: Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m_4 cần giám định có khối lượng 2188,48 gam, không tìm thấy ma túy.

- Gói 5: Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m_5 cần giám định có khối lượng 93,5687 gam, không tìm thấy ma túy.

- Gói 6:

+ Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m_6 cần giám định có khối lượng 614,49 gam, không tìm thấy ma túy.

+ Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m_7 cần giám định có khối lượng 1109,48 gam, không tìm thấy ma túy.

+ Tinh thể màu trắng được ký hiệu mẫu $m_{8.1}$ cần giám định có khối lượng 141,9602 gam, không tìm thấy ma túy.

+ Tinh thể màu trắng được ký hiệu mẫu $m_{8.2}$ cần giám định có khối lượng 32,1457 gam, không tìm thấy ma túy.

+ Tinh thể màu trắng được ký hiệu mẫu m_9 cần giám định có khối lượng 167,0697 gam, không tìm thấy ma túy.

+ Bột màu nâu đỏ được ký hiệu mẫu m_{10} cần giám định có khối lượng 462,43 gam, không tìm thấy ma túy.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 402/2020/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Xử phạt: Nguyễn Văn T: Tử hình. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 10/12/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2020 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có mua bán ma túy, hành vi của bị cáo chỉ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin xem xét lại tội danh. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân là người nghiện ma túy, biết việc mua bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo hành vi giúp đỡ Đối tượng B (không rõ lai lịch, đang được xác minh) bán ma túy. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Tội danh sơ thẩm đã xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tội danh thì luật sư không có ý kiến đối với bản án sơ thẩm, nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo đề nghị xem xét lại tội danh xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo. Tình tiết giảm nhẹ mà sơ thẩm đã áp dụng, luật sư không có ý kiến. Đối với hình phạt bổ sung trong bản án sơ thẩm theo luật sư là không cần thiết vì bị cáo bị xử mức án cao nhất, không có tài sản nên việc tuyên hình phạt bổ sung là không đảm bảo thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư, bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Vào lúc 17 giờ 00 ngày 10/12/2018, tại trước nhà số 855 T, Phường x5, Quận x8, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội 2 phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Phường X5, Quận x8 và Đội Cảnh sát giao thông trật tự cơ động Công an Quận x8 phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán. Quá trình khám xét, cơ quan điều tra còn thu giữ ma túy tại chỗ ở của bị cáo. Khối lượng ma túy bị thu giữ lúc bị cáo Nguyễn Văn T bị bắt quả tang là của Đối tượng B giao cho bị cáo đem đi bán (01 bánh Heroine bán với giá 235.000.000 đồng và 02 gói ma túy đá bán với giá 35.000.000 đồng/lạng), bán xong Đối tượng B sẽ cho ma túy để sử dụng; còn số ma túy bị thu giữ lúc khám xét là T mua của đối tượng tên D ở khu vực bờ kè C, quận B với giá 15.000.000 đồng, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy bị thu giữ khi bị bắt quả tang và khi bị khám xét: 577,1745 gam, loại Heroine và 403,2716 gam, loại Methamphetamine (trong đó: 577,1745 gam = 336,07 gam + 241,1045 gam; 403,2716 gam = 393,91 gam + 9,3616 gam)

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma tuý, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ cộng đồng và trật tự trị an xã hội. Bị cáo đã từng bị xét xử nhiều lần, bản thân bị cáo nhận thức được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của mình gây ra nhưng do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Khối lượng ma túy mà bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm để đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng không có mua bán ma túy, hành vi của bị cáo chỉ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tuy nhiên, quá trình điều tra, thu thập chứng cứ cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận sau mỗi lần sử dụng ma túy thì cảm giác phê chỉ kéo dài khoảng 02 giờ đồng hồ, quá trình ghi lời khai đều tự nguyện, hoàn toàn tỉnh táo, không bị ép cung, dùng nhục hình; việc hỏi cung bị cáo cũng có người bào chữa tham dự. Do đó, nội dung trình bày của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

Về hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Năm 1992 bị cáo từng bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về "Tội Trộm cắp tài sản của công dân" (Bản án số 309/HSST ngày 30/5/1992); Chi cục Thi hành án dân sự quận B ghi nhận việc bị cáo chưa thi hành khoản nộp thu lợi bất chính nêu tại phần quyết định của bản án (Công văn số 2441/XN-CCTHADS ngày 23/7/2019). Như vậy, bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặc dù trong quá trình điều tra, bị cáo có thái độ thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải thuộc trường hợp áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng tổng khối lượng ma túy mà bị cáo phạm tội là quá lớn. Do đó, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới so với cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với nội dung mà người bào chữa cho bị cáo trình bày cho rằng việc áp dụng hình phạt bổ sung là không cần thiết. Xét thấy, bị cáo không có kháng cáo đối với hình phạt bổ sung. Hơn nữa, hình phạt bổ sung là hình phạt được áp dụng kèm theo hình phạt chính nhằm tăng cường hiệu quả của việc áp dụng hình phạt, đáp ứng mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội, phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của người bào chữa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 402/2020/HSST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 40; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Xử phạt: Nguyễn Văn T: Tử hình. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 10/12/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp phạt số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T được quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM,;
- TTG công an TP.HCM;
(Tống đạt cho bị cáo)
- Lưu (10) 19b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười